

PHỤ LỤC 2:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 4-5 TUỔI

Mục tiêu Giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<p>* Phát triển vận động</p> <p>1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xõm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<p>2. Trẻ giữ được thăng bằng, nhanh nhẹn và kiểm soát được vận động cơ thể khi thực hiện vận động: Đi và chạy:</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng gót chân, Đi khụy gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng(Dích dắc) theo vật chuẩn + Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.
<p>3. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong thực hiện vận động:Tung, ném, bắt, chuyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bóng lên cao và bắt bóng + Tung bắt bóng với người đối diện (bắt được 3 lần liên không rơi bóng ,khoảng cách 3 m). + Đập và bắt bóng tại chỗ(Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp). + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng (Cao 1,2 m; xa 1.5 m) + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân + Ném trúng đích ngang (xa 2m; ĐK 0.4).
<p>4. Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.

trong thực hiện các vận động: Bò trườn trèo.	<ul style="list-style-type: none"> + Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm (cách nhau 2m, không chệch ra ngoài) + Bò chui qua cổng hoặc ống (dài 1,2m x 0,6m.) + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang.
5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo khi thực hiện vận động bật, nhảy	<ul style="list-style-type: none"> * Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản (cao 10 - 15cm.) + Nhảy lò cò 3m.
6. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy.
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Vẽ hình người, nhà, cây. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi.
GD dinh dưỡng và SK	
8. Cân nặng của trẻ nằm trong kênh A: + Trẻ trai : 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái : 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao của trẻ nằm trong kênh A. + Trẻ trai : 100,7 – 119,1 cm + Trẻ gái : 99,5 – 117,2 cm.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đủ chất dinh dưỡng P, G,L, VTM - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 140-150 phút). - Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
9. Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm:	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi : Nấu ăn : Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Qua bữa ăn trẻ nhận biết được các loại thực

	<p>phẩm: Thịt, cá, tôm, cua, trứng, sữa có nhiều chất đạm. Gạo, cơm, ngô, khoai, sắn, bánh mì... Có nhiều chất bột đường Dừa, bơ, dầu mỡ, lạc, vừng... Có nhiều chất béo. Rau, quả chín có nhiều vitamin. - Rèn kỹ năng ăn uống văn minh</p>
10. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn : Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
11. Trẻ biết được ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p> <p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>
12. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:	<p>- Tập đánh răng, lau mặt.</p> <p>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn</p>
13. Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:	<p>Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <p>- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</p> <p>- Khi ho, hắt hơi biết ngoảnh ra ngoài hoặc che miệng lại, Không nói chuyện trong khi ăn</p>
15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	<p>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học.</p> <p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>- Rèn kỹ năng: Phân loại rác</p> <p>- Trẻ biết mang khẩu trang, rửa tay sát khuẩn, biết giữ vệ sinh cơ thể sạch sẽ.</p>
16. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết

không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Dạy trẻ một số kỹ năng phòng tránh cháy nổ.
17. Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước.
18. Trẻ biết được một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...
19. Trẻ biết không được ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không có lợi cho sức khỏe.	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Rèn kỹ năng ăn uống hợp vệ sinh.
20. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ : + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại khi cần thiết: 113, 114, 115 - Dạy trẻ kỹ năng giúp đỡ người khác. - Kỹ năng thoát hiểm
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
21. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....
22. Trẻ biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác trên cơ thể, phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Biết sử dụng các giác quan: Thính giác để nghe các âm thanh, tiếng động. Thị giác để nhìn các sự vật hiện tượng xung quanh: Cây con, các PTGT, HTTN, Đồ dùng đồ chơi..... Xúc giác để sờ, nắn, các nếm các sự vật hiện tượng. Khứu giác để ngửi mùi vị của hoa quả, đồ ăn.... Vị giác để biết được vị thức ăn, nước uống,

	trái cây, nóng lạnh; chua cay, ngọt, đắng
23. Trẻ được tham gia làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	Thí nghiệm: Sự kỳ diệu của nước Sự bay hơi của nước; chìm nổi; Tan hay không tan.
24. Trẻ thu thập được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đọc truyện tranh; Xem các đoạn video về nội dung phù hợp độ tuổi, phù hợp chủ đề. - Trò chuyện với trẻ về trường MN, bản thân, gia đình, nghề nghiệp của người thân. - Dạy trẻ kỹ năng xem sách, đọc sách.
25. Biết đặc điểm nổi bật, công dụng, ích lợi của cây con, hoa quả, PTGT, HTTN. So sánh sự giống và khác nhau, phân loại theo 1-2 dấu hiệu nổi bật của các đối tượng.	- Một số động vật nuôi trong gia đình - Động vật sống dưới nước - Động vật sống trong rừng - Côn trùng và một số loài chim - Bé yêu cây xanh - Một số loại rau, củ, quả - Một số loại hoa ... - Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện và quy định giao thông đường thủy - Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không. - Nước - Hiện tượng tự nhiên: (Mưa ,lũ quét, sạt lở đất, Bão, lốc xoáy, gió, hạn hán)
26. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
27. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
28. Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
<i>Làm quen với toán</i>	

<p>29. Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...</p>	<p>- Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...</p>
<p>30. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.</p>	<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Tạo nhóm có 3 đối tượng, đếm đến 3. Nhận biết chữ số 3 (Số 3 tiết 1) - Tạo nhóm có 4 đối tượng, đếm đến 4. Nhận biết chữ số 4 (Số 4 tiết 1) - Tạo nhóm có 5 đối tượng, đếm đến 5. Nhận biết chữ số 5 (Số 5 tiết 1)</p>
<p>31. Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>- Nhận biết sự bằng nhau về số lượng 2 nhóm đồ vật - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3 (Số 3 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 2) - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 2)</p>
<p>32. Trẻ biết tách, gộp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p>	<p>- Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 3. (Số 3 tiết 3) - Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 4 (Số 4 tiết 3) - Tách gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 (Số 5 tiết 3)</p>
<p>33. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p>	<p>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại..).</p>
<p>34. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc</p>	<p>- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ của 2 đối tượng. - Nhận biết, so sánh chiều dài của 3 đối tượng. - Nhận biết, so sánh chiều cao của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh chiều rộng của 3 đối tượng - Nhận biết, so sánh độ lớn của 3 đối tượng</p>
<p>35. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.</p>	<p>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo . - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</p>
<p>36. Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam</p>	<p>- Hình tròn- hình vuông - Hình tam giác- hình chữ nhật</p>

giác, vuông và chữ nhật,...).	- Hình tròn- hình vuông- hình tam giác- hình chữ nhật.
37. Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép hình hình học.
38. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
39. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Các hoạt động: chơi, học, ăn, vệ sinh, vui chơi. - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
KPXH	
40. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Biết được sự phát triển của cơ thể bé	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, bố mẹ. - Bé tự giới thiệu về mình - Cơ thể bé và bạn - Bé cần gì để lớn nhanh và khỏe mạnh
41. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tìm hiểu về gia đình bé - Bữa ăn trong gia đình bé - Các đồ dùng trong gia đình bé ở - Nhu cầu của gia đình
42. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), biết được các kiểu nhà của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu về gia đình bé - Ngôi nhà của bé - Trò chơi: Nhà bạn ở đâu; Về đúng nhà.
43. Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp, các bạn khi được hỏi, trò chuyện.	- Trường Mầm non Diên Cát thân yêu. - Lớp học của bé - Các hoạt động trong trường Mầm non
44. Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
45. Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Bé yêu cô bán hàng - Cháu yêu bác nông dân - Cháu yêu cô chú công nhân - Bé thích làm bác sỹ - Cháu yêu chú bộ đội
46. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội .	- Ngày hội bé đến trường - Tết trung thu - Ngày hội của cô giáo - Ngày tết của chú bộ đội - Tết và mùa xuân - Ngày vui 8/3. - Ngày SN bác Hồ. 19/5
47. Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh

<p>điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương., lễ hội của quê hương, đất nước</p>	<p>lam, thẳng cánh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn Cát quê em - Diễn Châu mến yêu (Biển Diễn Thành, Siêu Thị Phủ Diễn, Lèn Hai Vai) - Lễ Hội : Đền Công, - Di tích lịch sử: Đền Đạu. Đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ xã Diễn Cát; Lễ hội Đình Nam(Tạ Công Luyện)
<h3>III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</h3>	
<p>48. Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p> <p>Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
<p>49. Trẻ biết chú ý lắng nghe và trao đổi với người đối thoại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.
<p>50. Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được, và sử dụng được các từ chỉ SVHT, đặc điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được về điều trẻ được quan sát: con vật, đồ vật đồ chơi, hoa quả, PTGT, HTTN - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
<p>51. Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
<p>52. Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại những câu chuyện Đi thăm ông bà; đi biển, đi công viên, đi nhà bóng, tham quan dã ngoại....
<p>53. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Mâm non: Tình bạn (Trần Thị Hương), thư của bé (Hoàng thị dân) Gà học chữ, bé học toán, làm quen chữ số, tình bạn, trắng sáng, Giờ chơi của bé(Phạm Thụy Quỳnh Anh) Nghe lời cô giáo(Nguyễn Văn Chương); Bàn tay cô giáo, Cô giáo của con(Chu Huy), * Bản thân: Tình bạn(Việt Quỳnh). Đôi tay của bé, Phải là hai tay (Phạm Cúc), Mắt để làm gì (Phạm Hồ) , Miệng xinh(Phạm Hồ); Cái lưới(Lê Thị Mỹ Phương);Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Đi nắng * Gia đình: Lây tằm cho bà (Định Hải); Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyện); Bó hoa

	<p>tặng cô, Thăm nhà bà(Như Mao); Quạt cho Bà ngủ (Thạc Quỳ) Khách Cả nhà chống bão (Suu tâm),\</p> <p>*Nghề nghiệp: Đi bừa; Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ); Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao); Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); tâm sự của bức tường (Suu tâm) bé quét rác (Hoàng thị dân) ...</p> <p>* Động vật: Chú gà con (Vương Trọng); Con Trâu (Thanh Thảo); Rong và cá (Phạm Hồ); Con voi con voi (Đồng dao); Tết dang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Cây đào (Nhược Thủy), ong và bướm, chim chích bông</p> <p>* Thực vật: Cây bàng (Xuân Quỳnh);Bó hoa tặng cô, Dừa (Phạm Hồ); Bác bầu bác bí (...); Hoa mào gà (Thanh Hào); Hoa phượng; Ghét bão thương cây(Suu tâm) , Rau ngót rau đay (Hồng Thu suu tâm)</p> <p>* Giao thông: Xe chữa cháy(Phạm Hồ), Đèn đỏ đèn xanh(Định Hải), Xe đồ rác(Suu tâm); Xe Cản cầu (Nguyễn Đức), Thuyền Giấy(Suu tâm), Đoàn tàu lăn bánh(tạ Hữu Yên), Đàn kiến nó đi (Định Hải), Bé tập đi xe đạp; Em yêu đường sắt quê em, Giúp bà (Hoàng Thị Phảng), Chú cảnh sát giao thông Suu Tâm)</p> <p>* HTTN: Trưa hè, Gió (Đặng Hân)Trưa hè (Dạ Thảo) , Mùa hè của em(Tuyết Hoa phỏng Trăng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Ông mặt trời, trăng sáng(Nhược Thủy- Phương Hoa), Mùa hạ tuyết vùi(Phạm Hưng Long) Nắng thua em rồi (Suu tâm), khi cơn bão đến (Suu tâm),nắng thua em rồi (Suu tâm)</p> <p>* QH-ĐN- BH: Ai dậy sớm(Võ Quảng), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Em yêu miền nam, Ánh Bác(Trần Đăng Khoa), Quê em vùng biển, Buổi sáng; Bác thăm nhà cháu; Em vẽ Bác Hồ,...</p>
<p>54. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ, hành động mở đầu và kết thúc của</p>	<p>* Trường MN: Mèo con đi học món quà của cô giáo(Tú Anh), thỏ trắng biết lỗi, Ai</p>

<p>nhân vật trong truyện. Kể lại chuyện theo đúng trình tự</p>	<p>quan trọng nhất, Ngày đầu đến lớp, Mèo con đi học, Nếu không đi học(Thu Hằng) Câu bé mũi dài (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm), Mỗi người một việc (Lê Thu Hương và Lê Thị Đức sưu tầm),</p> <p>* Bản thân: Gấu con bị sâu răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên) Gấu con chia quà; Bé và chuyện bao ny lông (Diệu an)</p> <p>* Gia đình: Niềm vui từ bát canh cải; Cây khế; Tích chu; Cô bé quàng khăn đỏ; chú gấu con ngoan;</p> <p>* Nghề nghiệp: Người làm vườn và các con trai; Thần sắt;</p> <p>* Động vật: Chú khỉ tinh khôn; Cáo thỏ và gà trống; Sự tích mùa xuân ; Cóc kiện trời(Theo truyện thần thoại Việt Nam), Rùa con tìm nhà(Thanh Mai),Chú vịt xám(Thu Thủy), Chuột, gà trống và mèo(Thúy Toàn dịch), Chú dê đen</p> <p>* Thực vật: Con hầy đợi rồi sẽ biết ; Trái cây trong vườn; Cây táo thân; Cây rau của thỏ út; Sự tích hoa mào gà Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi).Nỗi đau của lá (Sưu tầm)</p> <p>* Giao thông: Kiến con đi xe ô tô, Kiến con thi an toàn giao thông; Một chuyến tham quan...</p> <p>* HTTN: Giọt nước tí xíu, Đám mây xấu xí, Cóc kiện trời</p> <p>* QH-ĐN-BH: Thánh gióng, Quả táo của Bác Hồ; Thế là ngoan (Tuyên tập thơ, ca, truyện kể, câu đố cho trẻ mầm non theo chủ đề)</p>
<p>55. Biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô giáo, mời các bạn cơm, ăn quà, mời dự sinh nhật. - Biết sử dụng từ cảm ơn xin lỗi đúng và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. - Xư hô lễ phép trong giao tiếp: đối với người lớn: con/ cháu/em. Đối với em nhỏ: anh/chị. Đối với bạn cùng tuổi: bạn-mình-tên riêng.
<p>56. Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. Khi có chuyện vui có thể cười, nói, hát hò

	vui vẻ. Khi có chuyện buồn thì không nên nói, cười, hát.
57. Trẻ biết tự chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
58. Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
59. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
60. Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.....	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
61. Cho trẻ làm quen với tiếng anh thông qua các hoạt động trong ngày.	Nghe, nhắc lại từ chỉ người tên đồ vật sự vật hiện tượng đơn giản trong phạm vi 100 từ, cụm từ; Sử dụng mẫu câu chào hỏi, tạm biệt từ 1- 3 từ .gần gũi quen thuộc phù hợp với lứa tuổi, chủ đề trong năm học. Nghe và đếm từ số 1 đến số 10. - Làm quen với 1-3 ký hiệu tiếng Anh thông thường.
IV. GIÁO DỤC TÌNH CẢM VÀ KN XÃ HỘI	
62. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Bé là ai. - Trò chơi: Gia đình bé yêu; Tìm bạn thân(theo giới tính); - Nói được tên tuổi, giới tính của bố mẹ, người thân trong gia đình.
63. Biết nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Một số trò chơi phù hợp với khả năng của trẻ: Bé thích gì? Bé làm việc gì: Những điều bé không thích(không được làm)
64. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi).	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Sắp đặt đúng nơi quy định khi chơi xong - Trục nhật theo sự phân công của giáo viên trong các hoạt động vui chơi, học, lao động. - Dạy trẻ kỹ năng hợp tác nhóm trong thực hiện các nhiệm vụ

<p>65. Trẻ nhận biết và biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu” qua các trò chơi.
<p>66. Trẻ biết chia sẻ, giúp đỡ những bạn khiếm khuyết gặp khó khăn trong học tập và trong sinh hoạt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chia sẻ tình cảm với bạn - Giúp đỡ bạn tham gia vào hoạt động hàng ngày - Yêu thương tôn trọng bảo vệ bạn khi có người kì thị
<p>67. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
<p>68. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
<p>69. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói cảm ơn khi cô, người lớn cho quà và giúp đỡ; Xin lỗi khi làm sai. Chào cô giáo, bố mẹ, ông bà, người lớn, khi có khách đến thăm lớp thăm nhà.
<p>70. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói hoặc trò chuyện qua các hoạt động học tập, vui chơi.
<p>71. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chờ đến lượt, hợp tác trong hoạt động vui chơi, tham quan dã ngoại, ăn quà phụ, lao động, tham gia các trò chơi.
<p>72. Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, giúp đỡ bạn qua các hoạt động trong ngày. - Cùng nhau hoàn thành công việc trong hoạt động góc, trực nhật, lao động.
<p>73. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chăm sóc con vật. - Gieo hạt, chăm sóc các loại cây cảnh, hoa, rau.
<p>74. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác vào thùng theo quy định của trường

	<p>của lớp.</p> <p>- Biết phân loại rác thải: tiêu hủy và không tiêu hủy được.</p>
75. Trẻ có ý thức không bẻ cành, bứt hoa.	<p>- Không bẻ cành, bứt hoa.</p> <p>- Biết nhắc nhở bạn khi ngắt hoa bẻ cành.</p>
76. Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	<p>- Tiết kiệm điện, nước khi rửa mặt đánh răng.</p> <p>- Biết tắt quạt, tắt điện khi hoạt động ngoài trời, tham quan dã ngoại.</p>
<p>V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</p>	
77. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	<p>- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
78. Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	<p>* Trường MN: Cô giáo miền xuôi (Lời: Minh Chinh, Bùi Đình Thảo), (Phạm Tuyên), Ngày đầu tiên đi học (Nhạc: Nguyễn Ngọc Thiệp. Lời Viễn Phương).</p> <p>* Bản thân: Tìm bạn thân (Việt Anh), Năm tay thân thiết (Nhạc: Hàn Quốc), Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn). Năm ngón tay ngoan</p> <p>* Gia đình: Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc: Phạm Tuyên. Lời Lâm Thị Mỹ Dạ), Lời ru trên nường (Nhạc: Trần Hoàn. Lời Nguyễn Khoa Điềm), Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo); Cho con Ru con (DC Nam bộ);</p> <p>* Nghề nghiệp: Ngày mùa (Văn Cao). Xe chỉ luân kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Ước mơ xanh, Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý); Đi cấy (DC Thanh Hóa);</p> <p>* Động vật: Cái bóng, Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền), Lý con khỉ (Dân ca nam bộ), Con mèo ra bờ sông (Hoàng Hà); Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Chú voi con ở Bản đôn; Gà gáy le te; Chú ếch con.</p> <p>* Thực vật: Chúc tết , Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiệp), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Cây trúc xinh</p>

	<p>(<i>Dân ca quan họ Bắc Ninh</i>), Miền nam của em (<i>Hoàng Nguyễn</i>);</p> <p>* Giao thông: Ngồi tựa mạn thuyền (<i>Dân ca quan họ Bắc Ninh</i>), Anh phi công ơi (<i>Nhạc: Xuân Giao. Thơ: Xuân Quỳnh</i>), Bạn ơi có biết (<i>Hoàng Văn Yến</i>); Những con đường em yêu (<i>Hoàng Văn Yến</i>); Bỏ là tất cả (<i>Thập Nhất</i>);</p> <p>* HTTN: Mưa rơi(<i>Dân ca Xá</i>), Đêm sao, Hạt nắng hạt mưa; Reo vang bình minh (<i>Lưu Hữu Phước</i>);</p> <p>* QH-ĐN-BH: Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (<i>Hoàng Long-Hoàng Lân</i>), Em yêu trường em (<i>Hoàng Vân</i>), Em như chim bồ câu trắng (<i>Trần ngọc</i>), Đi học (<i>Bùi Đình Thảo</i>); ; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng (<i>Phong Nhã</i>); Trái đất này là của chúng mình (<i>Định Hải</i>);</p>
<p>79. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<p>.- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>
<p>80. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...</p>	<p>Trường MN: + Vui đến trường (<i>Hồ Bắc</i>), Trường chúng cháu đây là trường mầm non (<i>Phạm Tuyên</i>), Hoa trường em (<i>Dương Hưng Bang</i>), Rước đèn dưới trăng (<i>Phạm tuyên</i>) biểu diễn cuối chủ đề</p> <p>* Bản thân: Cái mũi (<i>nhạc Anh</i>), Càng lớn càng ngoan (<i>Đức Bằng</i>), Nắm tay thân thiết (<i>Nhạc nước ngoài</i>), Mời bạn ăn (<i>Trần Ngọc</i>) Bạn ở đâu?; Hãy xoay nào, Cái mũi, Mời bạn ăn, Bạn có biết tên tôi ? (<i>Lê Đức- Thu Hiền</i>) Mừng sinh nhật(<i>Nhạc Anh, Lời Đào Ngọc Dung</i>)</p> <p>* Gia đình: Cả nhà thương nhau (<i>Phan Văn Minh</i>); Bé quét nhà (<i>Hà Đức Hậu</i>); Nhà của tôi; Cô và mẹ (<i>Phạm Tuyên</i>) Cả nhà đều yêu(<i>Bùi Anh Tôn</i>), Nhà của tôi(<i>Thu Hiền</i>), Bé quét nhà Mẹ Đi Vắng(<i>Nhạc Trịnh Công Sơn- Lời Nguyễn Quang Dũng</i>. Biểu diễn cuối chủ đề</p> <p>* Nghề nghiệp: Cháu yêu cô chú công nhân (<i>N&L: Hoàng Văn Yến</i>); Cô giáo (<i>Nhạc: Độ Mạnh</i> thương; Lời thơ <i>Nguyễn Hữu Tường</i>); Chú bộ đội(<i>N&L Hoàng Văn</i></p>

	<p>Yến). Lý chiêu chiêu (Dân ca nam bộ) * Động vật: Thật là hay (N&L Hoàng Lĩnh); Cò lả (Dân ca ĐB bắc bộ); Rửa mặt như mèo(N&L Hàn Ngọc Bích); Con chuồn chuồn (N&L: Vũ Đình Lê). Cá vàng bơi(N&L Hà Hải); Đò bạn * Thực vật: Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hồ); Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên); Quả (Xanh Xanh); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu), Quà mừng 8/3 (Hoàng Long), ...Biểu diễn cuối chủ đề * PTGT : Lái ô tô (Đoàn Phi); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, Ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc; Ngô Quốc Tính, Lời thơ: Tường Vân); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Lái máy bay,...Biểu diễn cuối chủ đề * HTTN: Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Đếm sao (Văn Chung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Mùa hè đến(Nguyễn Thị Nhung) ...Biểu diễn cuối chủ đề * QH- ĐN-BH: Lá cờ nhỏ (Tạ Quang Thắng); Em yêu thủ đô (Bảo Trọng); Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điều) Tìm bài hát về biển đảo ,...Biểu diễn cuối chủ đề</p>
<p>81. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa, VĐMH..... - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.</p>	<p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc(MT 80) - Một số trò chơi âm nhạc - Âm thanh to- nhỏ, nhanh -chậm... + Trò chơi: Nghe thẩu hát tài, Hát theo hình vẽ, Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Rung chuông vàng,...Đoán giới; Hãy bắt chước Vòng quay kỳ diệu; Ai nhanh nhất, Tai ai tinh, Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Giọng - Hát to- giọng hát nhỏ; Đoán tên bạn hát, Bao nhiêu bạn hát, Hãy làm theo hiệu lệnh</p>
<p>82. Trẻ biết cách phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p>	<p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.</p>
<p>83. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p>	<p>* Trường MN Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường Tô màu cô giáo và các bạn Vẽ đồ chơi trong lớp học</p>

	<p>* Bản thân Trang trí áo bé trai- váy bé gái Tô màu vòng đeo cổ</p> <p>* Gia đình Vẽ, tô màu ngôi nhà Vẽ, tô màu người thân trong gia đình</p> <p>* Nghề nghiệp Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông</p> <p>* Thực vật Vẽ, tô màu cây xanh Vẽ, tô màu rau , củ, quả bé thích Vẽ vườn hoa mùa xuân Vẽ theo đề tài</p> <p>* Động vật Vẽ con mèo Vẽ tô màu con bướm Vẽ, tô màu tàu hỏa Vẽ, tô màu ô tô</p> <p>* HTTN Vẽ, tô màu cảnh mùa hè Vẽ chiếc ô</p> <p>* QH-ĐN-BH Trang trí khung ảnh bác hồ Trang trí dây hoa chào mừng 30/4 và 1/5 bằng dấu vân tay</p>
<p>84. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</p>	<p>* Trường MN - Cắt dán hàng rào trường MN</p> <p>* Bản thân - Cắt dán đôi tất - Cắt, dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc</p> <p>* Gia đình - Cắt dán ngôi nhà - Gấp và cắt dán phong bì. - Xé, dán bông hoa trang trí cửa sổ - Xé, dán trang trí bình hoa tặng cô giáo</p> <p>* Nghề nghiệp - Cắt, dán cái thang cho chú công nhân</p> <p>* Thực vật - Cắt , dán hoa - Xé dán quả</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt dán trang trí cây thông. * Động vật - Xé, dán đàn cá - Cắt, dán con vật sống dưới nước * Giao thông - Xé dán máy bay. - Xé, dán máy bay trực thăng * HTTN - Cắt dán cầu vồng. - Xé, dán mặt trời và những đám mây * QH-ĐN-BH - Cắt dán hoa mừng sinh nhật Bác
85. Trẻ biết cách làm lốm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	<ul style="list-style-type: none"> - Nặn đồ chơi bé thích. - Nặn đồ dùng gia đình(Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống) - Nặn bông hoa. - Nặn các loại quả tròn, quả dài. - Nặn các loại bánh. - Nặn bánh xe.
86. Trẻ biết cách phối hợp các kỹ năng gấp, xếp hình thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp nhà, xếp đường đi. - Làm bưu thiếp tặng cô giáo. - Gấp con chó. - Gấp ô tô Buýt - Làm chong chóng.
87. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, theo nhịp, theo phách. - VĐ theo tiết tấu chậm, tiết tấu nhanh, minh họa theo lời ca
88. Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát: Xắc xô, phách tre, hoa múa, các loại dụng cụ âm nhạc khác.
89. Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu: sỏi đá, lá cây, chai lọ nhựa, họa báo, tranh ảnh, hạt khô... được sơ chế sạch sẽ để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
90. Trẻ biết đặt tên, nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.

